

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2024/DS-PT

Ngày: 21 - 5 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Luông

*Các Thẩm phán:*

Bà Võ Thị Phương

Ông Võ Thái Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Minh Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Đặng Kim Quang  
– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 72/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2023/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐPT-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 55/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc A, sinh năm 1973; Địa chỉ số 21A/6 khu vực 1, phường A, quận X, thành phố Z.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị Võ Thị Mỹ P, sinh

năm 1994; Địa chỉ ấp Định Mỹ, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản công chứng số 1657 ngày 09/4/2024).

2. *Bị đơn*: Anh Trần Minh L, sinh năm 1999; Địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

3. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc A.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc A và bị đơn anh Trần Minh L có mối quan hệ quen biết nên ngày 11/4/2020 bà A cho anh Trần Minh L vay số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Việc vay tiền này các bên có lập thành văn bản và ký tên xác nhận. Đến ngày 29/5/2021 bà A tiếp tục cho anh L vay số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tổng số tiền mà anh L vay của bà A là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Đến nay bị đơn L vẫn chưa hoàn trả lại số tiền như đã vay. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Trần Minh L phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 160.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 10%/năm đối với số tiền 160.000.000 đồng (Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm là 28 tháng) cho nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc A lãi là 37.333.000 đồng. Tổng cộng là 197.333.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng). Đối với số tiền vay 30.000.000 đồng ngày 29/02/2021 bị đơn đã trả cho nguyên đơn xong nên nguyên đơn không yêu cầu. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

*Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Minh L trình bày*: Bị đơn không thống nhất với phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Bị đơn vay của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc A nhiều lần không nhớ rõ: Lần đầu vào khoản tháng 4/2021 vay của bà A 30.000.000 đồng; Lần hai vay là khoản tháng 7/2021 vay tiếp 10.000.000 đồng; Lần ba khoản một tuần sau lần vay thứ hai bị đơn vay tiếp 20.000.000 đồng; Lần thứ tư vay 50.000.000 đồng vào khoản tháng 10/2021. Tổng bốn lần vay là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Khi vay không có lập thành hợp đồng, nguyên đơn chỉ kêu bị đơn ký tên vào tờ giấy mượn nợ chưa ghi nội dung. Do tin tưởng nên bị

đơn cũng không giữ giấy nợ. Đến nay bị đơn đã trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc A số tiền là 43.171.000 đồng (Bốn mươi ba triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng) như tài liệu bị đơn đã cung cấp cho Tòa. Bị đơn vẫn sẽ tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn A số tiền còn lại là 66.829.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng). Mỗi tháng bị đơn sẽ trả cho nguyên đơn 2.000.000 đồng, do lương hiện tại của bị đơn thấp nên không thể trả nhiều hơn. Về phần lãi suất, bị đơn không đồng ý trả vì lúc cho vay bà A không đề cập đến vấn đề trả lãi.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc A. Buộc bị đơn Trần Minh L có nghĩa vụ trả nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc A tổng số 82.422.433 đồng (Tám mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc 66.829.000 đồng, nợ lãi 15.593.433 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc A về việc đòi bị đơn Trần Minh L trả số tiền 114.910.567 đồng (Một trăm mười bốn triệu chín trăm mười nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 160.000.000 đồng; Bị đơn chỉ thừa nhận các lần vay của nguyên đơn tổng cộng 110.000.000 đồng. Số tiền vay bị đơn đã viết bằng số trên biên nhận, còn số tiền có nhận thêm 110.000.000 đồng là nguyên đơn tự ý viết thêm, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giám định, trên biên nhận thể hiện hai tuồng chữ và màu mực cũng khác nhau, các biên nhận cung cấp có mâu thuẫn với nhau, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền đã vay nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét xử sơ thẩm ngày 16/9/2023 đến ngày 26/9/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm là còn trong hạn, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về nội dung khởi kiện: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc A yêu cầu bị đơn anh Trần Minh L trả số nợ gốc vay là 160.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất là 10%/năm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 28 tháng với tổng số tiền lãi là 37.333.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 197.333.000 đồng. Bị đơn anh Trần Minh L Thừa nhận có vay tổng cộng 04 lần bằng 110.000.000 đồng, thời gian vay đã lâu nên không nhớ ngày, tháng vay cụ thể, nhưng đã trả tiền vốn được 43.171.000 đồng. Anh Trần Minh L đồng ý trả số tiền vốn còn nợ là 66.829.000 đồng, không đồng ý tính lãi nên phát sinh tranh chấp.

[4] Xét hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn và bị đơn: Bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc A khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Trần Minh L trả tổng cộng tiền vay 160.000.000 đồng có kèm theo 02 biên nhận nợ thể hiện bao gồm: 01 biên nhận nợ ở mục 1 có số tiền 10.000.000 đồng; Mục 3 thể hiện thời hạn vay là từ ngày 11/4/2020 đến ngày 11/4/2021; Mục 4 phương thức cho vay bằng tiền mặt; Mục 5 thể hiện mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay; 01 biên nhận ngày 29/5/2021 thể hiện tôi có mượn số tiền 50.000.000 đồng và 03 tháng trả lại. Lý do: sử dụng cá nhân. Làm vốn. Lấy thêm 110 triệu tổng cộng 160 triệu đồng. Tôi hứa đóng lãi đúng ngày và trả vốn đúng hạn, nếu sai tôi sẽ chịu hoàn toàn trước pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn có cung cấp “Giấy mượn tiền ngày 03/7/2021” thể hiện tôi có mượn số tiền là 50.000.000 đồng và 3 tháng trả lại. Lý do mua bán, lấy thêm 110 triệu tổng cộng: 160 triệu. Nguyên đơn cho rằng chữ ký và chữ viết của bị đơn nhưng bị đơn chỉ thừa nhận chữ viết phần trên biên nhận là của bị đơn. Bị đơn cho rằng dòng chữ “lấy thêm 110 triệu tổng cộng 160 triệu” là do nguyên đơn viết thêm sau này. Như vậy, khi khởi kiện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 02 giấy (01 giấy mượn nợ và 01 giấy mượn tiền). Xét 02 giấy tờ mà nguyên đơn cung cấp thì chỉ xác định được tại ô vay số tiền là 10.000.000 đồng và ô “tôi có mượn số tiền là 50.000.000 đồng” ghi cụ thể cùng tuồng chữ và màu mực, còn dòng chữ “lấy thêm 110 triệu đồng tổng cộng: 160 triệu đồng” khác tuồng chữ và màu mực. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp thêm 01 “Giấy mượn tiền ngày 3/7/2021 có dòng chữ lấy thêm 110 triệu đồng tổng cộng: 160 triệu đồng và giấy mượn tiền ngày 29/5/2021” các chứng cứ này đều mâu thuẫn với lời trình bày của nguyên đơn. Tại phiên tòa bị đơn trình bày do mượn tiền đã lâu vào thời điểm dịch Covid nên bị đơn không nhớ rõ số tiền và ngày mượn cụ thể, chỉ ký nhiều lần vào biên nhận nợ nhưng có ghi trong biên nhận nợ số tiền cụ thể và không có ghi thêm chữ lấy thêm 110 triệu tổng cộng 160 triệu. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng trước đây nguyên đơn có cho ông Kia vay 50.000.000 đồng, bị đơn có hỏi nguyên đơn vay lại số tiền của ông Kia và được bà A đồng ý cho bị đơn vay lại, nên nguyên đơn viết thêm trong biên nhận “lấy thêm 110 triệu. Tổng cộng là 160 triệu”. Qua đối chiếu các biên nhận, các giấy mượn nợ mà nguyên đơn cung cấp gồm: “biên nhận 30.000.000đ ngày

29/02/2021(Nguyên đơn cho rằng đã trả rồi); biên nhận 10.000.000đ ngày 11/4/2021; biên nhận ngày 29/5/2021 thể hiện 50.000.000đ, lấy thêm 110 triệu, tổng cộng là 160 triệu; biên nhận ngày 03/7/2021 thể hiện 50.000.000đ lấy thêm 110 triệu, tổng cộng 160 triệu” các biên nhận này có mâu thuẫn với nhau. Bị đơn không thừa nhận số tiền của ông Kia nhưng phía nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh bị đơn có nhận số tiền của ông Kia mà tự ý viết thêm vào biên nhận, nguyên đơn không cung cấp được giấy tờ nào có sự thỏa thuận chuyển giao nợ giữa ông Kia, anh L với nhau. Như vậy, đối chiếu với lời trình bày của bị đơn có mượn của nguyên đơn 110.000.000 đồng là có căn cứ. Nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đã mượn 110.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Đối với số tiền 43.171.000 đồng nguyên đơn thừa nhận có nhờ bị đơn thanh toán các chi phí điện, nước, điện thoại và tiền mặt với tổng số tiền là 43.171.000 đồng, nguyên đơn cho rằng sau khi nhờ bị đơn thanh toán thì nguyên đơn đã trả tiền mặt cho bị đơn xong, nhưng không được bị đơn thừa nhận, nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Điều đó chứng tỏ rằng bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 43.171.000 đồng sẽ được trừ vào số tiền đã vay, còn nợ lại:  $(110.000.000đ - 43.171.000đ = 66.829.000$  đồng), không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc A về việc buộc bị đơn Trần Minh L phải trả số tiền  $197.333.000$  đồng –  $82.422.433$  đồng =  $114.910.567$  đồng là có căn cứ.

[6] Về lãi suất: Bị đơn không đồng ý trả nhưng trong giấy mượn tiền có ghi nội dung “Tôi hứa đóng lãi đúng ngày và trả vốn đúng hạn” và nguyên đơn yêu cầu lãi suất 10%/năm kể từ ngày 29/5/2021 đến khi xét xử sơ thẩm là làm tròn 28 tháng phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn  $66.829.000$  đồng x 10%/ năm x 28 tháng =  $15.593.433$  đồng. Tổng cộng bị đơn Trần Minh L phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc A là  $82.422.433$  đồng (Tám mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng) là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu  $114.910.567$  đồng x 5% =  $5.745.500$  đồng do khởi kiện không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu  $82.422.433$  đồng x 5% =  $4.121.000$  đồng.

[8] Từ những nhận định trên có cơ sở không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 91, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc A. Buộc bị đơn Trần Minh L có nghĩa vụ trả nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc A tổng số tiền 82.422.433 đồng (Tám mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc 66.829.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng); Nợ lãi 15.593.433 đồng (Mười lăm triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc A về việc đòi bị đơn Trần Minh L trả số tiền 114.910.567 đồng (Một trăm mười bốn triệu chín trăm mười nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

#### 3. Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu 5.745.500 đồng (Năm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Khấu trừ số tiền 4.800.000 đồng nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011111, ngày 05/5/2023 thành án phí, nguyên đơn phải nộp thêm số tiền 945.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn phải chịu 4.121.000 đồng (Bốn triệu một trăm hai mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển 300.000 đồng (Ba trăm

ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 21/5/2024.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Văn Luông**



